



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý
Phú Nhuận và các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

0300521758

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận điều chỉnh cấp ngày 16 tháng 2 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Ông Nguyễn Vũ Phan
Bà Nguyễn Thị Cúc
Bà Nguyễn Thị Ngọc
Ông Bùi Việt

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Bà Nguyễn Thị Cúc
Ông Nguyễn Vũ Phan
Ông Lê Hữu Hạnh
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

170E Phan Đăng Lưu
Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con (“Tập đoàn”) và bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-187



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Hà Vũ Định

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		1.605.037.461.093	1.176.638.742.453	1.525.468.236.091	1.091.212.414.489
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	454.113.948.194	337.769.093.757	426.301.733.402	317.023.440.697
Tiền	111		82.732.710.340	51.495.543.237	54.920.495.548	30.749.890.177
Các khoản tương đương tiền	112		371.381.237.854	286.273.550.520	371.381.237.854	286.273.550.520
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	70.871.461.230	57.575.438.981	69.401.669.366	41.956.414.537
Phải thu khách hàng	131		39.634.363.771	28.962.855.812	32.864.176.721	16.029.437.397
Trả trước cho người bán	132		9.061.955.750	14.165.423.476	8.425.651.835	11.348.628.701
Các khoản phải thu khác	135		22.790.855.759	16.058.429.474	28.111.840.810	16.174.833.370
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(615.714.050)	(1.611.269.781)	-	(1.596.484.931)
Hàng tồn kho	140	7	968.915.039.630	751.709.044.884	941.077.879.031	718.714.872.670
Tài sản ngắn hạn khác	150		41.137.012.039	29.585.164.831	18.686.954.292	13.517.686.585
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.780.523.529	12.765.289.565	9.774.375.599	6.587.463.910
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.626.013.421	7.933.589.620	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.037.353.890	576.939.248	26.603.715	115.590.835
Tài sản ngắn hạn khác	158		15.693.121.199	8.309.346.398	8.885.974.978	6.814.631.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		1.323.075.161.632	1.287.569.967.482	1.159.064.312.972	1.110.647.819.291
Tài sản cố định	220		419.577.684.256	331.638.373.756	381.763.700.152	293.887.652.439
Tài sản cố định hữu hình	221	8	114.426.075.356	96.848.837.225	76.788.364.713	59.355.070.397
<i>Nguyên giá</i>	222		201.160.654.826	170.255.698.399	140.747.344.350	114.459.921.911
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(86.734.579.470)	(73.406.861.174)	(63.958.979.637)	(55.104.851.514)
Tài sản cố định vô hình	227	9	279.199.924.767	193.164.202.785	279.023.651.306	192.907.248.296
<i>Nguyên giá</i>	228		279.869.348.563	193.653.741.363	279.492.351.451	193.276.744.251
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(669.423.796)	(489.538.578)	(468.700.145)	(369.495.955)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	25.951.684.133	41.625.333.746	25.951.684.133	41.625.333.746
Các khoản đầu tư dài hạn	250	11	712.435.781.858	749.471.560.231	761.041.764.725	797.419.988.080
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	90.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		258.315.155.708	261.453.501.831	230.474.829.680	230.474.829.680
Đầu tư dài hạn khác	258		475.245.158.400	498.818.058.400	474.745.158.400	497.745.158.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(21.124.532.250)	(10.800.000.000)	(34.178.223.355)	(10.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		191.061.695.518	206.460.033.495	16.258.848.095	19.340.178.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	188.628.499.090	204.184.834.997	15.449.325.434	18.530.656.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	919.152.184	835.847.692	809.522.661	809.522.661
Tài sản dài hạn khác	244		1.514.044.244	1.439.350.806	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.928.112.622.725	2.464.208.709.935	2.684.532.549.063	2.201.860.233.780

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

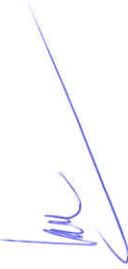
	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.771.024.241.138	1.388.651.100.968	1.611.470.039.512	1.197.190.189.172
Nợ ngắn hạn	310		973.411.782.490	1.238.244.894.919	892.489.131.205	1.134.079.358.588
Vay ngắn hạn	311	15	604.356.835.868	950.160.880.361	573.639.973.212	932.754.017.705
Phải trả người bán	312		123.648.989.802	126.195.900.645	73.192.057.333	40.114.973.072
Người mua trả tiền trước	313		10.271.763.272	7.499.868.870	7.322.532.478	6.336.897.626
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	29.561.163.550	18.554.741.321	29.091.016.680	18.300.841.546
Phải trả người lao động	315		46.402.734.297	26.829.448.932	43.550.769.450	25.834.751.274
Chi phí phải trả	316	17	8.431.746.109	9.974.319.640	8.198.711.109	9.974.319.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	133.760.429.404	85.484.874.814	140.528.982.962	87.477.958.485
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	16.978.120.188	13.544.860.336	16.965.087.981	13.285.599.240
Nợ dài hạn	330		797.612.458.648	150.406.206.049	718.980.908.307	63.110.830.584
Phải trả dài hạn khác	333		62.532.121.564	66.789.066.688	426.284.500	426.284.500
Vay dài hạn	334	20	730.658.754.727	80.143.593.277	714.133.041.450	59.211.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	4.421.582.357	3.473.546.084	4.421.582.357	3.473.546.084

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.130.451.377.433	1.046.885.979.792	1.073.062.509.551	1.004.670.044.608
Vốn chủ sở hữu	410		1.130.451.377.433	1.046.885.979.792	1.073.062.509.551	1.004.670.044.608
Vốn cổ phần	411	22	599.991.420.000	599.991.420.000	599.991.420.000	599.991.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	225.008.580.000	225.008.580.000	225.008.580.000	225.008.580.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(7.090.000)	(7.090.000)	(7.090.000)	(7.090.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		72.461.168.576	52.461.168.576	51.070.897.000	31.070.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		35.866.235.360	25.704.156.577	34.291.732.783	24.129.654.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		197.131.063.497	143.727.744.639	162.706.969.768	124.476.583.608
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	26.637.004.154	28.671.629.175	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.928.112.622.725	2.464.208.709.935	2.684.532.549.063	2.201.860.233.780

Người lập:



Đặng Thị Lại
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	24	18.038.055.458.855	13.798.302.596.222	17.335.035.111.824	13.077.790.334.837
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	(74.214.987.083)	(45.921.930.526)	(71.374.181.860)	(43.326.504.617)
Doanh thu thuần	10		17.963.840.471.772	13.752.380.665.696	17.263.660.929.964	13.034.463.830.220
Giá vốn hàng bán	11	25	(17.225.520.872.828)	(13.210.528.300.660)	(16.629.765.167.821)	(12.582.230.280.410)
Lợi nhuận gộp	20		738.319.598.944	541.852.365.036	633.895.762.143	452.233.549.810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	64.754.928.074	64.650.321.180	74.341.827.304	77.904.594.375
Chi phí tài chính	22	27	(125.534.692.551)	(60.390.301.471)	(128.762.455.803)	(55.410.407.231)
Chi phí bán hàng	24		(289.530.963.640)	(243.304.931.356)	(211.585.653.511)	(166.504.109.176)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(98.126.294.532)	(79.166.636.200)	(76.906.220.791)	(60.118.489.521)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		289.882.576.295	223.640.817.189	290.983.259.342	248.105.138.257
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	19.224.929.719	30.711.526.150	12.066.560.565	21.569.250.516
Chi phí khác	32	29	(1.607.851.780)	(11.902.840.151)	(976.945.616)	(11.756.140.090)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	40	10	10.666.239.207	21.442.711.729	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
50	Lợi nhuận trước thuế	318.165.893.441	263.892.214.917	302.072.874.291	257.918.248.683
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(60.742.590.596)	(51.946.709.715)	(60.363.124.631)	(51.363.036.090)
52	Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	83.304.492	(604.159.979)	-	-
60	Lợi nhuận thuần	257.506.607.337	211.341.345.223	241.709.749.660	206.555.212.593
61	Phân bổ cho:				
62	Cổ đông thiểu số	401.324.979	(676.831.791)	-	-
	Chủ sở hữu của Công ty	257.105.282.358	212.018.177.014	241.709.749.660	206.555.212.593
70	Lãi trên cổ phiếu	4.285	3.533	4.029	3.443

Người lập:


 Đặng Thị Lài
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tập đoàn	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339
Phát hành cổ phiếu thường	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	212.018.177.014	212.018.177.014
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	130.509.333	(75.216.879)	55.292.454
Cổ tức	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(563.517.304)	(563.517.304)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(237.758.378)	(130.509.333)	-	(368.267.711)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	257.105.282.358	257.105.282.358
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.000.000.000	10.327.760.000	(30.327.760.000)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(149.996.082.500)	(149.996.082.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(165.681.217)	-	(165.681.217)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(23.378.121.000)	(23.378.121.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	72.461.168.576	35.866.235.360	197.131.063.497	1.130.451.377.433

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015
Phát hành cổ phiếu thưởng	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	206.555.212.593	206.555.212.593
Cổ tức	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	124.476.583.608	1.004.670.044.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	124.476.583.608	1.004.670.044.608
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	241.709.749.660	241.709.749.660
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.000.000.000	10.327.760.000	(30.327.760.000)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(149.996.082.500)	(149.996.082.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(165.681.217)	-	(165.681.217)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(23.155.521.000)	(23.155.521.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	51.070.897.000	34.291.732.783	162.706.969.768	1.073.062.509.551

Người lập:

Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Giao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		318.165.893.441	263.892.214.917	302.072.874.291	257.918.248.683
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		42.308.214.488	43.922.848.994	17.182.301.892	15.208.211.655
Các khoản dự phòng	03		12.113.142.484	57.814.791	24.565.904.389	23.190.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		85.681.898.050	-	85.681.898.050	-
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		(427.282.948)	(2.544.166.131)	146.629.923	(2.544.166.131)
Lỗ từ xóa sổ tài sản cố định	05		431.215,096	-	8.816.978	-
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	05		-	-	4.734.330.673	(2.281.408.704)
Lãi từ thanh lý công ty con và/hoặc công ty liên kết	05		(2.055.522.670)	(3.229.607.274)	-	(3.458.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(55.925.420.302)	(41.503.821.527)	(67.661.833.499)	(55.962.749.172)
Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	05		(307.107.617)	(15.125.454.250)	(307.107.617)	(15.125.454.250)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(10.666.239.207)	(21.442.711.729)	-	-
Chi phí lãi vay	06		103.995.485.100	58.801.093.754	95.273.068.280	53.623.329.476
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		493.314.275.915	282.828.211.545	461.696.883.360	247.401.201.745
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(11.140.015.759)	53.293.918.839	(18.755.872.536)	61.039.332.936
Biến động hàng tồn kho	10		(217.205.994.746)	(261.578.272.583)	(222.363.006.361)	(241.675.215.458)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		76.167.135.915	62.077.903.873	110.815.150.821	2.118.611.364
			341.135.401.325	136.621.761.674	331.393.155.284	68.883.930.587

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tiền lãi vay đã trả	13		(103.861.814.898)	(58.319.330.507)	(95.139.398.078)	(54.105.092.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(65.658.313.770)	(51.918.613.481)	(64.754.021.469)	(42.347.212.409)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.387.942.365)	(23.312.694.402)	(17.141.713.476)	(21.361.462.177)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		154.227.330.292	3.071.123.284	154.358.022.261	(48.929.836.722)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(115.655.063.956)	(112.361.991.985)	(104.069.526.103)	(66.263.175.739)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		959.942.727	13.571.368.595	211.411.818	13.571.368.595
Chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(217.110.697.000)	(8.274.351.544)	(222.337.797.000)
Chi đầu tư vào tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	25		(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)	-
Thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		34.298.300.000	29.675.000.000	23.000.000.000	29.675.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		47.201.478.302	51.388.081.132	53.803.183.499	55.962.749.172
Thu từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	27		307.107.617	15.125.454.250	307.107.617	15.125.454.250
Thu từ thanh lý đầu tư vào công ty con và đầu tư dài hạn khác			-	16.390.530.450	-	20.748.000.000
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(102.888.235.310)	(203.322.254.558)	(105.022.174.713)	(153.518.400.722)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		8.767.143.927.774	6.599.955.894.699	8.703.343.927.774	6.515.652.194.699
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.551.891.484.141)	(6.254.018.176.391)	(8.496.994.604.141)	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(3.839.805.702)	(2.167.099.298)	-	(6.160.235.898.208)
Tiền chi trả cổ tức	36		(150.183.653.750)	(80.716.342.550)	(150.183.653.750)	(80.716.342.550)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		61.228.984.181	263.054.276.460	56.165.669.883	274.699.953.941
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		112.568.079.163	62.803.145.186	105.501.517.431	72.251.716.497
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	337.769.093.757	274.965.948.571	317.023.440.697	244.771.724.200
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		3.776.775.274	-	3.776.775.274	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	454.113.948.194	337.769.093.757	426.301.733.402	317.023.440.697

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

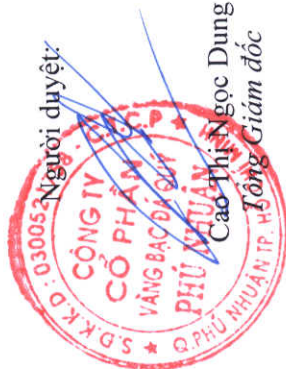
	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Góp vốn đầu tư bằng tài sản cố định hữu hình	-	-	1.725.648.456	-

Người lập:



Đặng Thị Lại
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có 2.745 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.340 nhân viên); Công ty có 2.393 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.045 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn và Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn và Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tập đoàn và Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do phương pháp áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình khí đốt

Bình khí đốt được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà trả trước

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo qui định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn và Công ty. Các khoản chi từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(p) Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp vào việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần được ghi nhận là vốn sở hữu được mua lại, thì khoản đối ứng đã trả, bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu. Cổ phần mua lại được phân loại vào cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu.

(s) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(t) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

(y) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(z) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Dịch vụ kiểm định		Thủy hải sản		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Doanh thu bộ phận	17.418.524.647.613	13.147.992.146.870	648.879.459.187	568.865.576.963	5.592.460.251	-	-	109.656.282.076	(34.941.108.196)	(28.211.409.687)	18.038.055.458.855	13.798.302.596.222
Các khoản giảm trừ doanh thu bộ phận	(74.169.861.581)	(45.878.677.653)	(45.125.502)	-	-	-	-	(43.252.873)	-	-	(74.214.987.083)	(45.921.930.526)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(16.683.823.449.026)	(12.626.261.623.245)	(573.461.320.575)	(518.494.131.667)	(2.738.693.331)	-	-	(93.450.853.197)	34.502.590.104	27.678.307.449	(17.225.520.872.828)	(13.210.528.300.660)
Lợi nhuận góp bộ phận	660.531.337.006	475.851.845.972	75.373.013.110	50.371.445.296	2.853.766.920	-	-	16.162.176.006	(438.518.092)	(533.102.238)	738.319.598.944	541.852.365.036
Kết quả bộ phận kinh doanh	357.215.237.620	237.532.916.491	10.656.853.304	(1.716.818.714)	740.545.754	-	-	2.059.544.048	(333.217.967)	313.841.654	368.279.418.711	238.189.483.479
Doanh thu không phân bổ											64.754.928.074	64.650.321.180
Chi phí không phân bổ											(125.534.692.551)	(60.390.301.471)
Mua sắm tài sản dài hạn	105.030.580.953	66.296.692.603	10.405.784.064	44.093.682.136	1.944.347.395	-	-	556.266.440	(1.725.648.456)	(574.623.277)	115.655.063.956	110.372.017.902
Khấu hao	11.557.577.877	11.207.655.754	3.974.155.405	2.930.297.007	529.847.046	-	-	2.166.956.165	-	-	16.061.580.328	16.304.908.926
Phân bổ	5.693.878.386	4.016.841.586	25.392.386.572	25.468.941.242	-	-	-	413.565.944	(4.839.630.798)	(2.281.408.704)	26.246.634.160	27.617.940.068

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Dịch vụ kiểm định		Hợp nhất	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản của bộ phận	1.935.960.419.326	1.424.621.498.549	275.759.991.928	290.115.651.155	3.956.429.613	-	2.215.676.840.867	1.714.737.149.704
Tài sản không phân bổ	711.935.781.858	740.695.621.622	500.000.000	8.775.938.609	-	-	712.435.781.858	749.471.560.231
Nợ phải trả của bộ phận	(1.605.350.918.502)	(1.203.182.553.392)	(164.375.607.385)	(185.468.547.576)	(1.297.715.251)	-	(1.771.024.241.138)	(1.388.651.100.968)
							2.928.112.622.725	2.464.208.709.935
							(1.771.024.241.138)	(1.388.651.100.968)

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	32.008.316.053	24.607.085.313	28.661.384.977	22.950.658.818
Tiền gửi ngân hàng	50.516.469.287	26.657.052.846	26.051.185.571	7.567.826.281
Tiền đang chuyển	207.925.000	231.405.078	207.925.000	231.405.078
Các khoản tương đương tiền	371.381.237.854	286.273.550.520	371.381.237.854	286.273.550.520
	454.113.948.194	337.769.093.757	426.301.733.402	317.023.440.697

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm số ngoại tệ khác VND tương đương 741 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 358 triệu VND); tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm số ngoại tệ khác VND tương đương 722 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 341 triệu VND).

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm kể từ ngày giao dịch. Khoản tiền này được gửi tại ngân hàng như một khoản bảo lãnh cho việc chuyển nhượng cổ phần của một công ty con cho người mua (Thuyết minh số 11). Khoản tiền gửi này được hưởng lãi năm là 13,5% trong năm.

6. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Thương mại	-	-	12.475.994.447	6.518.885.301
Phi thương mại	-	1.500.000.000	5.408.854.000	5.300.000.000

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	5.088.237.418	-	5.088.237.418
Cho công ty con vay	-	-	5.408.854.000	3.800.000.000
Cho công ty liên kết vay	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu từ dịch vụ cầm đồ	3.364.400.000	1.974.100.000	3.364.400.000	1.974.100.000
Phải thu cổ tức	13.858.650.000	-	13.858.650.000	-
Các khoản phải thu khác	5.567.805.759	7.496.092.056	5.479.936.810	3.812.495.952
	22.790.855.759	16.058.429.474	28.111.840.810	16.174.833.370

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.611.269.781	1.573.294.743	1.596.484.931	1.573.294.743
Tăng dự phòng trong năm	600.929.200	37.975.038	-	23.190.188
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.596.484.931)	-	(1.596.484.931)	-
Số dư cuối năm	615.714.050	1.611.269.781	-	1.596.484.931

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Tập đoàn được giao dịch bằng tiền mặt, mà không có rủi ro tín dụng. Đối với doanh thu trả chậm, để đối phó với rủi ro này, Ban Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn thiết lập chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi các công ty trong Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Các khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng trình bày ở trên, không có khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2011	
	Tập đoàn VND	Công ty VND
Trong hạn	57.026.418.522	60.929.817.531
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	3.240.557.471	18.500.000
Quá hạn từ 31 – 90 ngày	2.158.243.537	27.700.000
	<hr/>	<hr/>
	62.425.219.530	60.976.017.531

7. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	5.302.486.721	365.167.709	1.115.810.406	365.167.709
Nguyên vật liệu	14.259.449.585	8.788.552.862	14.259.449.585	8.788.552.862
Công cụ và dụng cụ	8.424.569.033	7.484.186.818	8.134.308.015	7.474.954.137
Sản phẩm dở dang	5.240.245.599	5.885.590.856	5.240.245.599	5.885.590.856
Thành phẩm	62.759.983.676	30.967.036.089	62.759.983.676	30.967.036.089
Hàng hóa	826.969.663.077	653.715.317.110	805.306.432.556	620.760.507.486
Hàng gửi đi bán	45.958.641.939	44.503.193.440	44.261.649.194	44.473.063.531
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	968.915.039.630	751.709.044.884	941.077.879.031	718.714.872.670

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa VND	Máy móc và Thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	54.506.823.828	83.282.042.611	10.919.813.953	21.547.018.007	170.255.698.399
Tăng trong năm	3.469.907.273	10.320.084.231	3.120.952.425	13.749.500	16.924.693.429
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.677.999.903	-	-	-	17.677.999.903
Thanh lý	(781.949.655)	(1.188.071.806)	(279.891.948)	(181.815.000)	(2.431.728.409)
Xóa sổ	(1.134.006.714)	(132.001.782)	-	-	(1.266.008.496)
Số dư cuối năm	73.738.774.635	92.282.053.254	13.760.874.430	21.378.952.507	201.160.654.826
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.908.845.591	44.668.324.529	7.778.112.600	11.051.578.454	73.406.861.174
Khấu hao trong năm	2.999.431.960	10.090.521.263	1.268.881.440	1.702.745.663	16.061.580.326
Thanh lý	(536.824.124)	(920.148.339)	(262.644.156)	(179.452.011)	(1.899.068.630)
Xóa sổ	(711.608.596)	(123.184.804)	-	-	(834.793.400)
Số dư cuối năm	11.659.844.831	53.715.512.649	8.784.349.884	12.574.872.106	86.734.579.470
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	62.078.929.804	38.566.540.605	4.976.524.546	8.804.080.401	114.426.075.356
Số dư đầu năm	44.597.978.237	38.613.718.082	3.141.701.353	10.495.439.553	96.848.837.225

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản có nguyên giá 29.321 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 27.558 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 38.310 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 31.255 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.455.616.718	64.296.522.771	10.676.580.090	8.031.202.332	114.459.921.911
Tăng trong năm	205.000.000	10.298.523.777	2.861.033.486	13.749.500	13.378.306.763
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.677.999.903	-	-	-	17.677.999.903
Thanh lý	(764.409.972)	(467.791.464)	(279.891.948)	(181.815.000)	(1.693.908.384)
Xóa sổ	-	(132.001.782)	-	-	(132.001.782)
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	-	(1.117.892.171)	(1.825.081.890)	-	(2.942.974.061)
Số dư cuối năm	48.574.206.649	72.877.361.131	11.432.639.738	7.863.136.832	140.747.344.350
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.182.370.524	39.164.288.586	7.637.253.815	4.120.938.589	55.104.851.514
Khấu hao trong năm	1.760.005.992	8.152.699.153	904.886.057	712.913.973	11.530.505.175
Thanh lý	(519.284.441)	(374.486.035)	(262.644.156)	(179.452.011)	(1.335.866.643)
Xóa sổ	-	(123.184.804)	-	-	(123.184.804)
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	-	(560.887.143)	(656.438.462)	-	(1.217.325.605)
Số dư cuối năm	5.423.092.075	46.258.429.757	7.623.057.254	4.654.400.551	63.958.979.637
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	43.151.114.574	26.618.931.374	3.809.582.484	3.208.736.281	76.788.364.713
Số dư đầu năm	27.273.246.194	25.132.234.185	3.039.326.275	3.910.263.743	59.355.070.397

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản có nguyên giá 28.676 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 26.851 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 19.226 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.419 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	192.784.772.638	868.968.725	193.653.741.363
Tăng trong năm	61.100.000.000	-	61.100.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.115.607.200	-	25.115.607.200
Số dư cuối năm	279.000.379.838	868.968.725	279.869.348.563
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	489.538.578	489.538.578
Khấu hao trong năm	-	179.885.218	179.885.218
Số dư cuối năm	-	669.423.796	669.423.796
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	279.000.379.838	199.544.929	279.199.924.767
Số dư đầu năm	192.784.772.638	379.430.147	193.164.202.785

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	192.784.772.638	491.971.613	193.276.744.251
Tăng trong năm	61.100.000.000	-	61.100.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.115.607.200	-	25.115.607.200
Số dư cuối năm	279.000.379.838	491.971.613	279.492.351.451
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	369.495.955	369.495.955
Khấu hao trong năm	-	99.204.190	99.204.190
Số dư cuối năm	-	468.700.145	468.700.145
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	279.000.379.838	23.271.468	279.023.651.306
Số dư đầu năm	192.784.772.638	122.475.658	192.907.248.296

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản với nguyên giá 240 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 191.907 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 106.543 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	41.625.333.746	50.077.411.701	41.625.333.746	9.422.893.409
Tăng trong năm	27.119.957.490	46.198.863.178	27.119.957.490	43.724.008.757
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.677.999.903)	(29.076.755.105)	(17.677.999.903)	(9.090.893.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(25.115.607.200)	-	(25.115.607.200)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(25.574.186.028)	-	(2.430.675.011)
Số dư cuối năm	25.951.684.133	41.625.333.746	25.951.684.133	41.625.333.746

11. Đầu tư dài hạn

	Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại các công ty con:		
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (“Đại Việt”) (a)	70.000.000.000	70.000.000.000
▪ Công ty TNHH Thời trang CAO (“CAO”) (b)	10.000.000.000	10.000.000.000
▪ Công ty TNHH Giám định PNJ (“PNJL”) (c)	10.000.000.000	-
	90.000.000.000	80.000.000.000

- a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn cổ phần của Đại Việt, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Đại Việt là mua bán gas, bếp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhớt và các sản phẩm hóa dầu.

Tại ngày 21 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam để thanh lý toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt với giá bán là 122.500 triệu VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã nhận khoản ký quỹ 52.500 triệu VND từ Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam, tuy nhiên cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, giao dịch này vẫn chưa hoàn tất.

- b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn góp của CAO, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của CAO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính, sản xuất và kinh doanh trang sức vàng và bạc; kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm đan len, nghệ thuật, các sản phẩm thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

- c. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn góp của PNJL, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của PNJL là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc, đá quý, kim loại quý; mua bán máy móc và thiết bị giám định.

Biến động đầu tư tại các công ty con trong năm như sau:

	Công ty	
	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	80.000.000.000	90.990.000.000
Đầu tư tăng trong năm	10.000.000.000	6.300.000.000
Đầu tư thanh lý trong năm	-	(17.290.000.000)
Số dư cuối năm	90.000.000.000	80.000.000.000

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại các công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á (“Địa ốc Đông Á”) (d)	84.424.982.441	89.039.291.026	91.866.300.000	91.866.300.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Nhiên liệu Sài Gòn”) (e)	173.890.173.267	164.711.172.196	138.608.529.680	138.608.529.680
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina (“Hong Vina”)	-	7.703.038.609	-	-
	258.315.155.708	261.453.501.831	230.474.829.680	230.474.829.680

- d. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 30,62% vốn cổ phần của Địa ốc Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Địa ốc Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và đại lý bất động sản; kinh doanh nhà và trang trí nội thất.
- e. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 49,99% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas; kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	261.453.501.831	129.730.479.430	230.474.829.680	110.884.882.680
Góp vốn	-	119.589.947.000	-	119.589.947.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	10.666.239.207	22.017.335.006	-	-
Cổ tức nhận được trong năm	(5.134.708.000)	(9.884.259.605)	-	-
Giảm từ thanh lý hoạt động kinh doanh	(8.669.877.330)	-	-	-
Số dư cuối năm	258.315.155.708	261.453.501.831	230.474.829.680	230.474.829.680

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư dài hạn khác vào:				
▪ Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á	356.775.363.400	356.775.363.400	356.775.363.400	356.775.363.400
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	-	23.000.000.000	-	23.000.000.000
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	42.499.920.000	40.833.320.000	42.499.920.000	40.833.320.000
▪ Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	-	1.666.600.000	-	1.666.600.000
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư (f)	10.089.500.000	10.089.500.000	10.089.500.000	10.089.500.000
▪ Khác	500.000.000	1.072.900.000	-	-
Tổng cộng	475.245.158.400	498.818.058.400	474.745.158.400	497.745.158.400

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

- f. Khoản đầu tư dài hạn này bao gồm các khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư phát triển khu đất tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Du lịch Festival và Địa ốc Đông Á, một công ty liên kết. Mục đích chính của dự án là xây dựng và khai thác kinh doanh khu liên hợp khách sạn và căn hộ tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các chủ đầu tư của dự án đang trong quá trình xin giấy phép xây dựng từ cơ quan chính quyền địa phương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản đầu tư dài hạn khác gồm cổ phiếu của ngân hàng TMCP Đông Á với giá trị ghi sổ là 350 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 257 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000
Tăng dự phòng trong năm	10.324.532.250	-	23.378.223.355	-
Số dư cuối năm	21.124.532.250	10.800.000.000	34.178.223.355	10.800.000.000

Các khoản đầu tư sau được dự kiến sẽ nắm giữ nhằm mục đích kinh doanh:

	31/12/2011	
	Số lượng	Tập đoàn/Công ty VND
Các công cụ vốn chủ sở hữu		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000
- Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	916.662	42.499.920.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư		10.089.500.000
		117.969.795.000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dựa trên báo giá trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Tập đoàn/Công ty	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công cụ vốn chủ sở hữu khác ngoài các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		
- cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Á	356.775.363.400	346.450.831.150
- cổ phiếu Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	42.499.920.000	31.699.920.000
	<hr/>	<hr/>
	399.275.283.400	378.150.751.150

Ngoại trừ thông tin trình bày ở trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không thể thu thập giá thị trường của các công cụ vốn chủ sở hữu còn lại ngoài các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	31/12/2011		31/12/2010	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Thời trang CAO	170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Giám định PNJ	205 Phan Đăng Lưu Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	432R/12 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	30,62%	30,62%	30,62%	30,62%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	49,99%	49,99%	49,99%	49,99%
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	24,50%	24,50%

Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý một công ty liên kết – Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina tại ngày 14 tháng 12 năm 2011, các chi tiết của giao dịch như sau:

	VND
Giá trị đầu tư thuần tại ngày thanh lý	8.669.877.330
Tiền thu từ thanh lý	10.725.400.000
	<hr/>
Lãi thuần từ thanh lý công ty liên kết	2.055.522.670
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Bình khí đốt VND	Thuê nhà VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	162.533.954.793	3.443.567.100	29.946.297.001	8.261.016.103	204.184.834.997
Tăng trong năm	6.723.769.421	1.874.102.000	382.751.570	1.529.790.046	10.510.413.037
Phân bổ trong năm	(19.465.212.418)	(2.360.731.666)	(658.348.574)	(3.582.456.286)	(26.066.748.944)
Số dư cuối năm	149.792.511.796	2.956.937.434	29.670.699.997	6.208.349.863	188.628.499.090

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22.706 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.787 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của một công ty con.

Công ty

	Thuê nhà VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.443.567.100	7.158.840.000	7.928.249.011	18.530.656.111
Tăng trong năm	1.874.102.000	-	597.159.850	2.471.261.850
Phân bổ trong năm	(2.360.731.666)	(194.400.000)	(2.997.460.861)	(5.552.592.527)
Số dư cuối năm	2.956.937.434	6.964.440.000	5.527.948.000	15.449.325.434

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	941.363.000	941.363.000	941.363.000
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong nội bộ Tập đoàn	109.629.523	26.325.031	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(131.840.339)	(131.840.339)	(131.840.339)	(131.840.339)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	919.152.184	835.847.692	809.522.661	809.522.661

Theo các quy định thuế hiện hành, các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực.

15. Vay ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Bằng Đô la Mỹ	160.239.248.000	114.289.500.000	160.239.248.000	114.289.500.000
▪ Bằng VND	223.596.000.000	129.758.888.666	197.286.000.000	116.758.888.666
▪ Bằng vàng	86.278.231.372	685.633.629.039	86.278.231.372	685.633.629.039
	470.113.479.372	929.682.017.705	443.803.479.372	916.682.017.705
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	134.243.356.496	20.478.862.656	129.836.493.840	16.072.000.000
	604.356.835.868	950.160.880.361	573.639.973.212	932.754.017.705

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản 306.531 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 478.140 triệu VND) không được bảo đảm và 38.146 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 438.542 triệu VND) được bảo đảm bằng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 41 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 257 tỷ VND) và 99.126 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 884 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: Không).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm khoản 26.310 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 13.000 triệu VND) được Công ty bảo lãnh.

Các khoản vay từ ngân hàng và cá nhân bằng Đô la Mỹ, VND và vàng chịu lãi suất năm dao động lần lượt từ 4,8% đến 8,0% (2010: từ 5,80% đến 7,00%), 3,0% đến 20,3% (2010: 8,40% đến 18,60%) và 2,4% đến 3,0% (2010: 2,40% đến 7,90%) trong năm.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.490.372.400	2.376.746.232	17.073.286.877	2.140.676.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.560.020.640	15.950.917.478	11.560.020.640	15.950.917.478
Các loại thuế khác	510.770.510	227.077.611	457.709.163	209.247.260
	29.561.163.550	18.554.741.321	29.091.016.680	18.300.841.546

17. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí lãi vay	2.219.585.148	2.085.914.946	2.219.585.148	2.085.914.946
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	5.441.527.292	7.259.713.748	5.441.527.292	7.259.713.748
Thuê nhà	233.035.000	628.690.946	-	628.690.946
Chi phí khác	537.598.669	-	537.598.669	-
	8.431.746.109	9.974.319.640	8.198.711.109	9.974.319.640

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	3.278.805.829	2.241.645.600	3.194.185.759	1.848.551.703
Bảo hiểm xã hội	306.393.209	174.599.314	248.815.577	107.893.103
Bảo hiểm y tế	502.848.211	338.235.803	486.735.078	337.917.867
Cổ tức	60.254.310.200	61.341.637.152	60.152.565.200	60.340.136.450
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	4.734.330.673
Quỹ Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.126.094.704	3.613.115.644	2.126.094.704	3.613.115.644
Vay từ công ty con	-	-	7.900.000.000	-
Tiền ký quỹ nhận được từ bán cổ phần Đại Việt	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-
Các khoản khác	14.791.977.251	17.775.641.301	13.920.586.644	16.496.013.045
	133.760.429.404	85.484.874.814	140.528.982.962	87.477.958.485

Khoản vay từ công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	13.544.860.336	35.696.465.944	13.285.599.240	34.647.061.417
Tăng trong năm	20.655.521.000	909.528.000	20.655.521.000	-
Phân loại lại từ quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	281.291.306	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	(17.222.261.148)	(23.312.694.402)	(16.976.032.259)	(21.361.462.177)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(29.730.512)	-	-
Số dư cuối năm	16.978.120.188	13.544.860.336	16.965.087.981	13.285.599.240

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

20. Vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Từ Ngân hàng TMCP Đông Á				
▪ Khoản vay 1 (a)	282.000.000	690.000.000	282.000.000	690.000.000
▪ Khoản vay 2 (b)	11.009.000.000	14.693.000.000	11.009.000.000	14.693.000.000
▪ Khoản vay 3 (c)	163.059.000.000	-	163.059.000.000	-
Từ Ngân hàng TMCP Á Châu				
▪ Khoản vay 4	-	9.900.000.000	-	9.900.000.000
▪ Khoản vay 5 (d)	229.955.000.000	-	229.955.000.000	-
▪ Khoản vay 6 (e)	104.525.000.000	-	104.525.000.000	-
▪ Khoản vay 7 (f)	659.535.290	-	659.535.290	-
▪ Khoản vay 8 (g)	20.932.575.933	25.339.455.933	-	-
Từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				
▪ Khoản vay 9	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
▪ Khoản vay 10 (h)	334.480.000.000	-	334.480.000.000	-
	864.902.111.223	100.622.455.933	843.969.535.290	75.283.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(134.243.356.496)	(20.478.862.656)	(129.836.493.840)	(16.072.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	730.658.754.727	80.143.593.277	714.133.041.450	59.211.000.000

- Khoản vay 1 bằng VND được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.250 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.580 triệu VND) và chịu lãi suất năm dao động từ 15,6% đến 17,6% (2010: 6,50% đến 11,6%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 35 kỳ hàng tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VND bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2012.
- Khoản vay 2 bằng VND được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.595 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 9.595 triệu VND) và chịu lãi suất năm dao động từ 15,6% đến 17,6% (2010: 8,0% đến 11,6%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 48 kỳ hàng tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VND bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2014.
- Khoản vay 3 bằng vàng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 63.593 triệu VND và 16.316 triệu VND. Khoản vay chịu lãi suất năm là 4% trong năm và được hoàn trả vào ngày 29 tháng 4 năm 2013.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

- d. Khoản vay 5 bằng vàng được đảm bảo bằng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 309 tỷ VND. Khoản vay chịu lãi suất năm là 4,2% trong năm. Khoản vay được hoàn trả một lần vào ngày 29 tháng 4 năm 2013, hoặc hoàn trả trong một số kỳ trong thời hạn vay, thời điểm hoàn trả trong thời hạn vay do Công ty quyết định.
- e. Khoản vay 6 bằng vàng không được đảm bảo và chịu lãi suất năm là 4,2% trong năm. Khoản vay được hoàn trả một lần vào ngày 29 tháng 4 năm 2013, hoặc hoàn trả trong một số kỳ trong thời hạn vay, thời điểm hoàn trả trong thời hạn vay do Công ty quyết định.
- f. Khoản vay 7 bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 884 triệu VND và chịu lãi suất năm là 7% trong năm. Khoản vay được hoàn trả trong 24 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 1.745 Đô la Mỹ bắt đầu từ tháng 7 năm 2011 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 7 năm 2013.
- g. Khoản vay 8 liên quan đến khoản vay của một công ty con được Công ty bảo lãnh và được đảm bảo bằng chi phí thuê đất trả trước và tài sản cố định hữu hình hình thành trên quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 22.706 triệu VND và 19.084 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.787 triệu VND và 19.836 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 18,7% đến 21,5% (2010: 10,5% đến 19,14%) trong năm. Dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hoàn trả trong 57 kỳ hàng tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VND và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2016.
- h. Khoản vay 10 bằng vàng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 118.719 triệu VND và 776 triệu VND, và chịu lãi suất năm là 4,2% trong năm. Khoản vay được hoàn trả trong 2 kỳ hàng năm, kỳ đầu tiên không quá 3,000 lượng hoặc tiền tương đương 3.000 lượng vào tháng 4 năm 2012 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 4 năm 2013.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	470.113.479.372	477.116.403.083	477.116.403.083	-	-
Vay dài hạn	864.902.111.223	920.235.968.246	171.429.438.267	729.097.244.553	19.709.285.426

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	443.803.479.372	450.001.291.987	450.001.291.987	-	-
Vay dài hạn	843.969.535.290	889.259.357.458	162.953.579.685	721.997.261.106	4.308.516.667

Các công ty trong Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng. Bên cạnh các hạn mức vay ngân hàng đã được trình bày trong thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Tập đoàn và Công ty còn duy trì các hạn mức tín dụng lần lượt là 819.592 triệu VND và 815.902 triệu VND.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản vay này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản vay có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản vay dài hạn và ngắn hạn của Tập đoàn và Công ty bao gồm 1.247.237 triệu VND và 1.199.995 triệu VND chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn và công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 13.687 triệu VND và 13.530 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn và Công ty.

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn/ Công ty VND
Số dư đầu năm	3.473.546.084
Trích lập dự phòng trong năm	1.187.681.034
Sử dụng dự phòng trong năm	(239.644.761)
Số dư cuối năm	4.421.582.357

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 1.140 triệu VND (2010: 774 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Công ty đã đóng 1.009 triệu VND (2010: 695 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.999.142	599.991.420.000	59.999.142	599.991.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.142	599.991.420.000	59.999.142	599.991.420.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	(709)	(7.090.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.998.433	599.984.330.000	59.998.433	599.984.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Tập đoàn	
	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	28.671.629.175	46.801.141.694
Vốn cổ phần góp bởi cổ đông thiểu số	599.500.000	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm phân bổ cho cổ đông thiểu số	401.324.979	(676.831.791)
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(95.400.000)	(401.303.150)
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	(2.940.050.000)	(3.168.600.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(13.882.777.578)
Số dư cuối năm	26.637.004.154	28.671.629.175

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu				
▪ Vàng và trang sức	17.376.881.158.771	13.114.780.878.367	17.329.548.057.884	13.076.168.261.555
▪ Phụ kiện trang sức	6.702.380.646	4.999.858.816	5.487.053.940	1.622.073.282
▪ Gas và vỏ bình gas	648.879.459.187	568.865.576.963	-	-
▪ Dịch vụ kiểm định	5.592.460.251	-	-	-
▪ Thủy hải sản	-	109.656.282.076	-	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Chiết khấu thương mại	(45.125.502)	(11.314.783)	-	-
▪ Giảm giá hàng bán	-	(39.499.800)	-	(39.187.000)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.663.788.710)	(3.569.447.560)	(3.650.279.611)	(3.460.139.270)
▪ Thuế gián thu	(70.506.072.871)	(42.301.668.383)	(67.723.902.249)	(39.827.178.347)
Doanh thu thuần	17.963.840.471.772	13.752.380.665.696	17.263.660.929.964	13.034.463.830.220

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

25. Giá vốn hàng bán

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:				
▪ Vàng và trang sức	16.645.023.237.523	12.594.943.633.238	16.626.198.508.406	12.581.150.667.513
▪ Phụ kiện trang sức	4.297.621.399	3.639.682.558	3.566.659.415	1.079.612.897
▪ Gas và vỏ bình gas	573.461.320.575	518.494.131.667	-	-
▪ Dịch vụ kiểm định	2.738.693.331	-	-	-
▪ Thủy hải sản	-	93.450.853.197	-	-
	<u>17.225.520.872.828</u>	<u>13.210.528.300.660</u>	<u>16.629.765.167.821</u>	<u>12.582.230.280.410</u>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	2.809.196.252	1.536.282.927	2.410.901.449	857.388.947
Lãi đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	307.107.617	15.125.454.250	307.107.617	15.125.454.250
Cổ tức	53.116.224.050	39.967.538.600	65.250.932.050	55.105.360.225
Thu nhập từ kinh doanh vàng	-	415.202.987	-	415.202.987
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.095.535.024	3.529.097.846	6.001.543.727	2.096.050.670
Lãi từ thanh lý công ty con và công ty liên kết	2.055.522.670	3.229.607.274	-	3.458.000.000
Doanh thu tài chính khác	371.342.461	847.137.296	371.342.461	847.137.296
	<u>64.754.928.074</u>	<u>64.650.321.180</u>	<u>74.341.827.304</u>	<u>77.904.594.375</u>

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

27. Chi phí tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	103.995.485.100	58.801.093.754	95.273.068.280	53.623.329.476
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	-	127.822.500	-	127.822.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.111.164.168	748.882.172	10.111.164.168	1.071.270.845
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10.324.532.250	-	23.378.223.355	-
Chi phí tài chính khác	1.103.673.033	712.503.045	-	587.984.410
	125.534.692.551	60.390.301.471	128.762.455.803	55.410.407.231

28. Thu nhập khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	-	-	4.734.330.673	2.281.408.704
Tiền ký quỹ bình khí đốt phân bổ vào thu nhập	11.130.325.670	11.133.754.723	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	959.942.727	603.456.906	211.411.818	603.456.906
Thu từ thanh lý tài sản cố định vô hình	-	12.967.911.689	-	12.967.911.689
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	5.675.983.474	-	5.675.983.474	-
Thu nhập khác	1.458.677.848	6.006.402.832	1.444.834.600	5.716.473.217
	19.224.929.719	30.711.526.150	12.066.560.565	21.569.250.516

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

29. Chi phí khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	532.659.779	1.471.437.464	358.041.741	1.471.437.464
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình xóa sổ	431.215.096	-	8.816.978	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thanh lý	-	9.555.765.000	-	9.555.765.000
Chi phí khác	643.976.905	875.637.687	610.086.897	728.937.626
	1.607.851.780	11.902.840.151	976.945.616	11.756.140.090

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Năm hiện hành	60.608.358.407	51.832.333.498	60.228.892.442	51.363.036.090
Dự phòng thiếu trong những năm trước	134.232.189	114.376.217	134.232.189	-
	60.742.590.596	51.946.709.715	60.363.124.631	51.363.036.090
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
(Hoàn nhập)/phát sinh các chênh lệch tạm thời	(83.304.492)	604.159.979	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	60.659.286.104	52.550.869.694	60.363.124.631	51.363.036.090

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	318.165.893.441	263.892.214.917	302.072.874.291	257.918.248.683
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	79.541.473.360	65.973.053.729	75.518.218.573	64.479.562.170
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	(132.325.926)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.103.152.567	704.622.648	1.023.406.882	659.813.976
Thu nhập miễn thuế	(16.459.496.482)	(15.496.218.401)	(16.312.733.013)	(13.776.340.056)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(3.263.422.776)	1.109.446.954	-	-
Ưu đãi thuế	-	(97.756.463)	-	-
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	375.670.936	-	-
Lỗi tính thuế sử dụng	(396.652.754)	-	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	134.232.189	114.376.217	134.232.189	-
	60.659.286.104	52.550.869.694	60.363.124.631	51.363.036.090

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	257.105.282.358	212.018.177.014	241.709.749.660	206.555.212.593
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	257.105.282.358	212.018.177.014	241.709.749.660	206.555.212.593

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Công ty	
	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	59.999.142	39.999.921
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	19.999.221
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(709)	(709)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	59.998.433	59.998.433

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	Giá trị giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2011	2010	2011	2010
	VND	VND	VND	VND
Các công ty liên quan				
CAO				
Bán hàng hóa	-	-	25.485.296.645	24.511.276.378
Mua hàng hóa	-	-	9.455.811.551	8.159.576.539
Cho công ty con vay	-	-	5.908.854.000	7.635.097.937
Góp vốn	-	-	-	6.300.000.000
Đại Việt				
Cổ tức nhận được	-	-	7.000.000.000	4.900.000.000
Cho công ty con vay	-	-	10.000.000.000	2.572.761.734
Vay từ công ty con	-	-	1.100.000.000	10.500.000.000
Giám định PNJ				
Bán hàng hóa	-	-	185.819.939	-
Vay từ công ty con	-	-	7.900.000.000	-
Góp vốn	-	-	10.000.000.000	-
Hải sản Sài Gòn				
Cổ tức nhận được	-	-	-	1.383.200.000
Địa ốc Đông Á				
Mua dịch vụ	20.410.987.266	9.620.570.626	20.098.941.693	9.620.570.626
Cho công ty liên kết vay	5.125.511.786	11.500.000.000	5.125.511.786	11.500.000.000
Góp vốn	-	21.800.000.000	-	21.800.000.000
Cổ tức nhận được	-	1.869.324.625	-	1.869.324.625
Nhiên liệu Sài Gòn				
Cổ tức nhận được	5.134.708.000	6.985.297.000	5.134.708.000	6.985.297.000
Hong Vina				
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.659.535.124	34.913.894.618	-	-
Cổ tức nhận được	-	1.029.637.260	-	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị				
Lương và thù lao	7.653.580.277	5.868.989.648	5.645.495.000	5.394.051.648

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

33. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn và Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	76.205.322.557	79.721.269.600	76.205.322.557	79.089.169.600

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	25.981.565.059	24.947.346.415	21.192.355.804	18.800.260.260
Trong vòng hai đến năm năm	52.621.350.748	49.444.851.589	45.621.374.261	40.071.721.654
Sau năm năm	37.835.623.916	30.491.461.834	37.835.623.916	30.491.461.834
	116.438.539.723	104.883.659.838	104.649.353.981	89.363.443.748

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

34. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn và Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	Lượng vàng	USD	Lượng vàng	USD
Tiền	-	34.522	-	34.421
Các khoản tương đương tiền	8.711	-	8.711	-
Phải thu khách hàng	-	527.811	-	527.811
Phải trả người bán	-	(1.167.575)	-	(1.167.575)
Vay ngắn hạn	(5.009)	(7.638.940)	(5.009)	(7.638.940)
Vay dài hạn	(16.900)	(10.450)	(16.900)	(10.450)
	(13.198)	(8.254.632)	(13.198)	(8.254.733)

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn và Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ tương lai và mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép. Ngoài ra, đối với rủi ro do biến động giá vàng, Công ty giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc cân đối số dư vàng trên các khoản mục tài sản và nợ phải trả tại mọi thời điểm.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn và Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2011	31/12/2010
1 Đô la Mỹ	20.828	18.932
1 lượng vàng	41.800.000	36.080.000

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Giảm lợi nhuận thuần tại ngày	
	31/12/2011	
	Tập đoàn	Công ty
Đô la Mỹ (mạnh thêm 8%)	(7.397.457.953)	(7.397.584.171)
Lượng vàng (mạnh thêm 16%)	(66.200.256.894)	(66.200.256.894)
	(73.597.714.847)	(73.597.841.065)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	17.136.011.147.989	12.729.172.792.277	16.542.994.136.313	12.592.049.049.660
Chi phí nhân công và nhân viên	224.896.006.746	179.172.151.417	194.891.256.502	148.214.888.494
Chi phí khấu hao và phân bổ	42.308.214.488	43.922.848.994	17.182.301.892	15.208.211.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.492.679.948	58.350.572.937	53.340.442.159	38.333.219.889
Chi phí khác	135.470.081.827	126.717.266.911	109.848.905.257	96.458.351.913

Người lập:



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

8

5

4

3

2

1